

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – GIA LAI,
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/KDTM-ST
Ngày 09-4-2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Thái

Ông Trần Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2026/TLST-KDTM ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2026/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 1042/2026/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) M; Địa chỉ: Tổ F, khu V, phường Q, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH M: Chị Nguyễn Thị Lệ T – Chức vụ: Nhân viên; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 06/02/2026); có mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) P; Địa chỉ: Lô F, khu công nghiệp N, phường A, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH P: Ông Nguyễn Văn A – Chức vụ: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Công ty TNHH M, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH M và Công ty TNHH P có hoạt động mua bán máy mài, Bullon, tán rút...dùng trong sản xuất bàn ghế gỗ, hai bên có kí hợp đồng nguyên tắc số 12/HĐNT ngày 01 tháng 11 năm 2024. Theo hợp đồng, bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn cho bên A vào ngày 30 hàng tháng. Sau khi nhận hóa đơn của bên B thì bên A có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền hóa đơn cho bên B trong vòng 30 ngày.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH P còn nợ Công ty TNHH M số tiền 319.692.481 đồng. Hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ ngày 07/7/2025. Sau khi liên hệ, ông Nguyễn Văn A là Giám đốc Công ty TNHH P xác nhận sẽ thanh toán vào đầu tháng 9 năm 2025. Từ đó đến nay Công ty TNHH P không thanh toán tiền cho Công ty TNHH M. Nay Công ty TNHH M yêu cầu Công ty TNHH P thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền còn nợ 319.692.481 đồng và buộc bị đơn chịu án phí theo quy định.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH P vắng mặt nhưng tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông A trình bày:

Ông thống nhất số tiền Công ty TNHH P còn nợ của Công ty TNHH M như trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn. Tuy nhiên do tình hình sản xuất còn khó khăn và ông đau bệnh, ông đã làm đơn xin tái cơ cấu lại Công ty nên xin Công ty TNHH M cho thời gian để sản xuất hoạt động trở lại. Dự kiến đến tháng 4, tháng 5 năm 2026 Công ty TNHH P sẽ hoạt động ổn định trở lại và Công ty sẽ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho Công ty TNHH M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH P thanh toán tiền hàng còn nợ phát sinh từ hoạt động mua bán hàng hóa giữa hai công ty. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại giữa các pháp nhân với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn Công

ty TNHH P có địa chỉ tại khu công nghiệp N, phường A, tỉnh Gia Lai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH P có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của Công ty TNHH M yêu cầu Công ty TNHH P thanh toán số tiền mua hàng còn nợ 319.692.481 đồng theo Hợp đồng nguyên tắc số 12/HĐNT ngày 01/11/2024: Xét thấy: Hợp đồng nguyên tắc số 12/HĐNT ngày 01/11/2024 được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH M và Công ty TNHH P trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, hình thức và nội dung theo quy định tại các Điều 74, 77, 85, 86, 87, 117 Bộ luật Dân sự và các Điều 24, 34, 45 của Luật thương mại nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng phía Công ty TNHH P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Công ty TNHH M yêu cầu Công ty TNHH P thanh toán số tiền mua hàng còn nợ 319.692.481 đồng. Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH P thừa nhận còn nợ Công ty TNHH M số tiền 319.692.481 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 07/07/2025. Như vậy, việc các bên mua bán hàng hoá theo hợp đồng nguyên tắc số 12/HĐNT ngày 01/11/2024 là có thật. Căn cứ Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh nên theo quy định tại Điều 50 của Luật thương mại, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH P phải trả cho Công ty TNHH M số tiền 319.692.481 đồng.

[4] Công ty TNHH P xin kéo dài thời gian trả nợ đến tháng 4, tháng 5 năm 2026 vì tình hình sản xuất khó khăn và Công ty đang trong thời gian hoạt động trở lại. Yêu cầu của bị đơn không được người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chấp nhận nên căn cứ Điều 55 của Luật thương mại, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội với số tiền 319.692.481 đồng x 5% = 15.984.624,05 đồng, làm tròn thành 15.985.000 đồng. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 74, 77, 85, 86, 87, 117 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 24, 34, 45, 50, 55 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn M.

Buộc Công ty TNHH P phải thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền 319.692.481 (ba trăm mười chín triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi một) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH P phải chịu 15.985.000 (mười lăm triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH M số tiền 7.900.000 (bảy triệu chín trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà Công ty đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000476 ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 2 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2 – Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Hậu